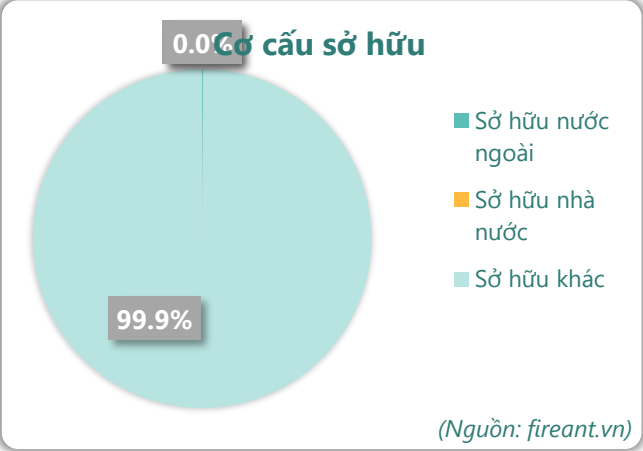
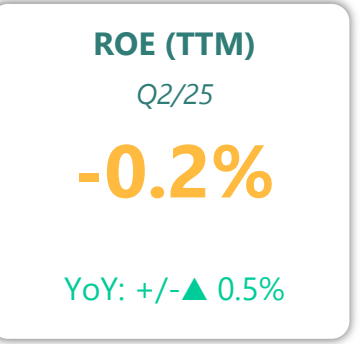
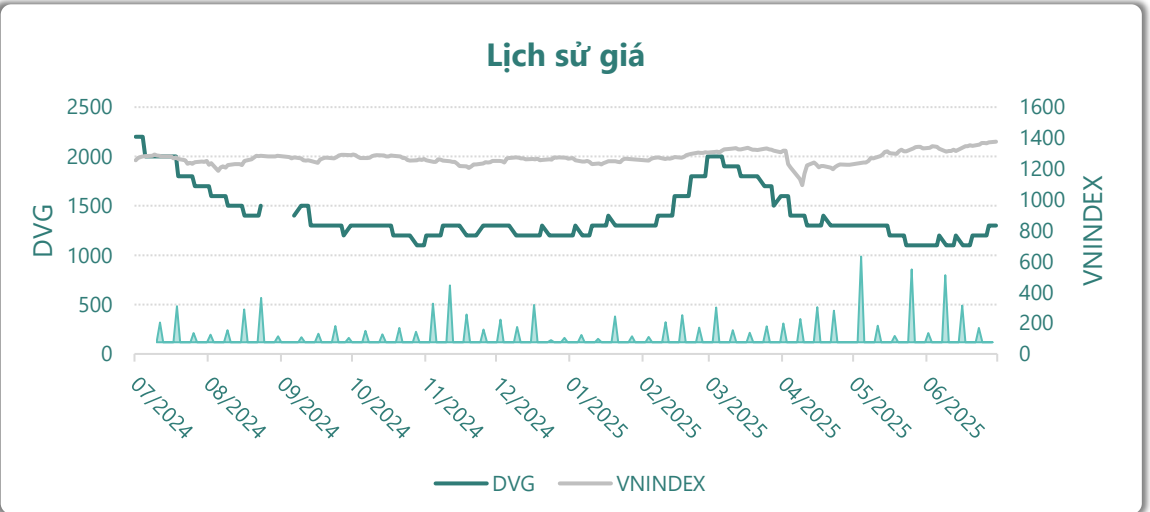
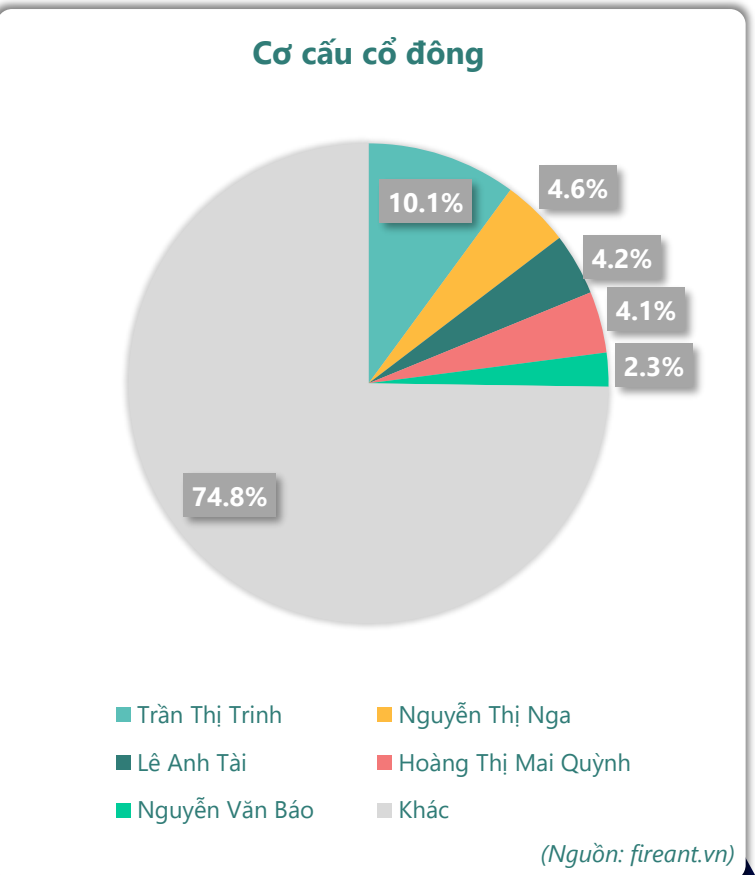


CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

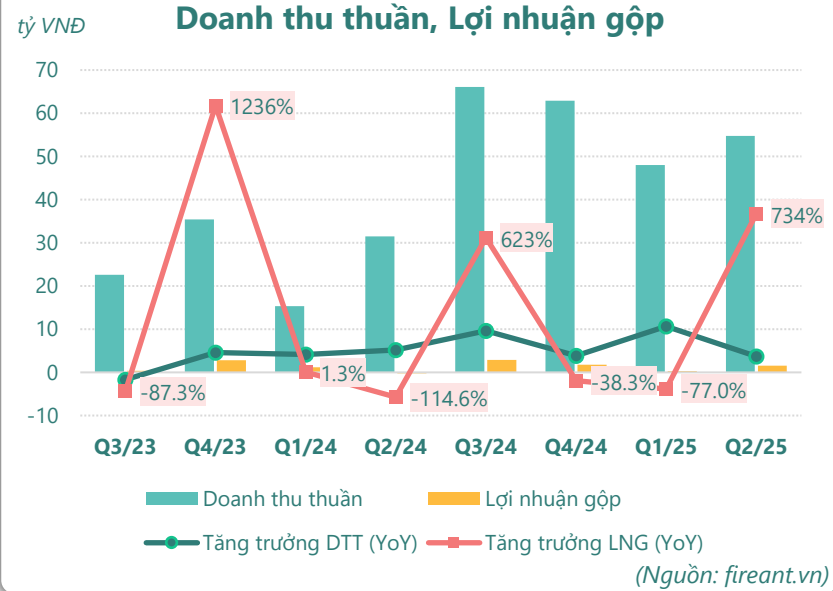
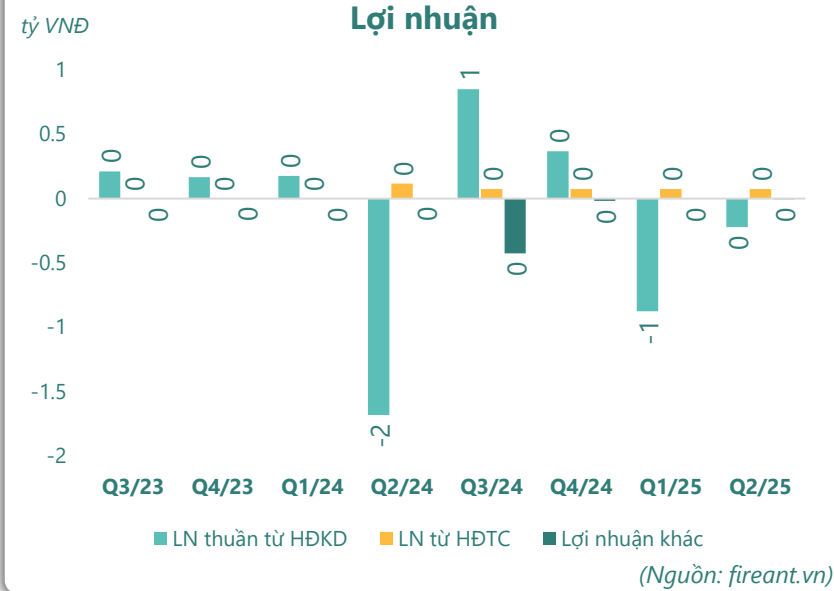
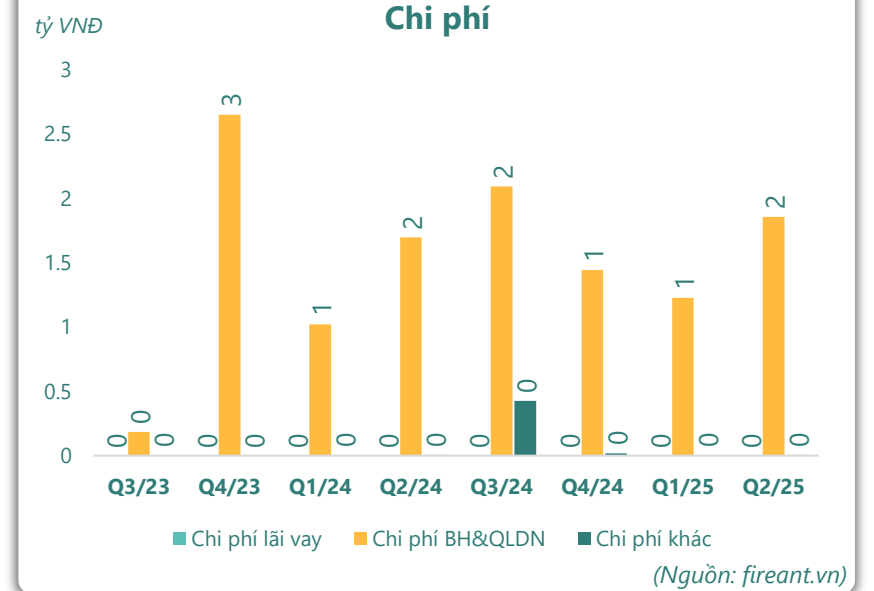
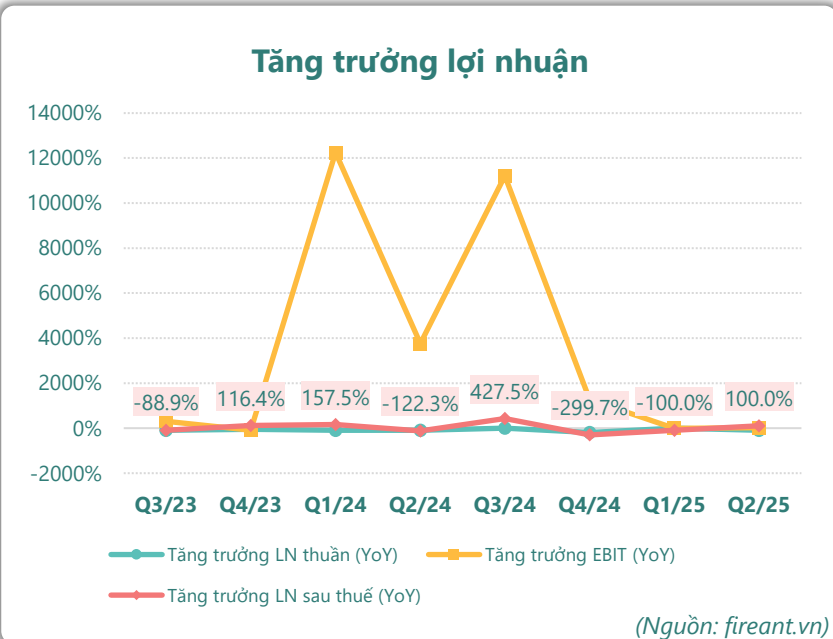
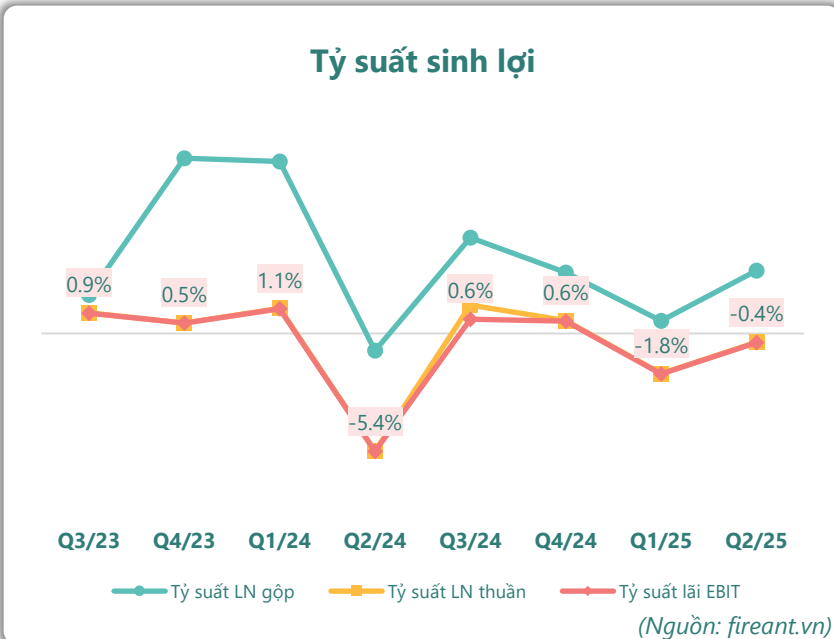
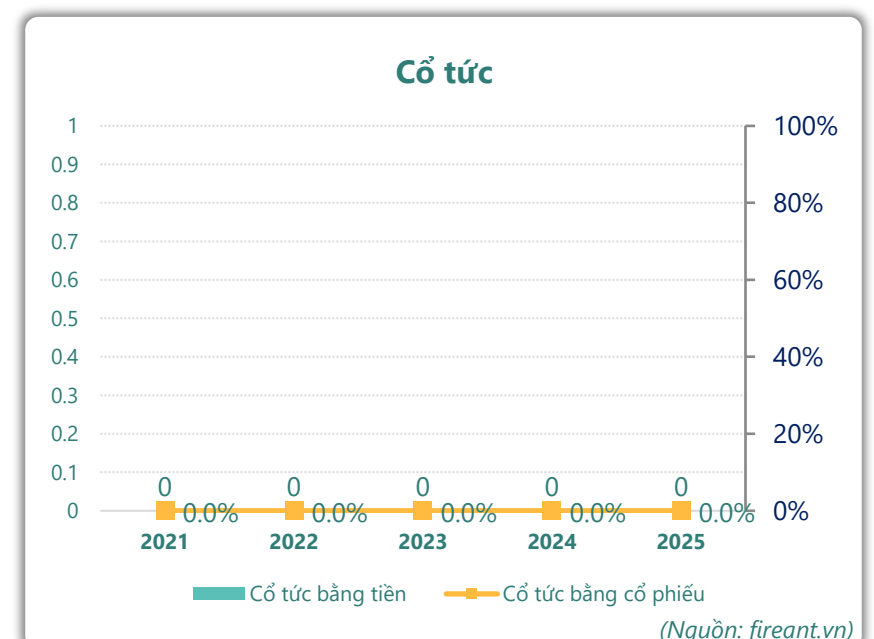
CTCP Đại Việt Group DVG

Ngày 30/06/2025	1,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	18.2%	-	8.3%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	36
Số lượng CPLH (CP)	28,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	61,000
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.07
EPS	-17
P/E	-77.0



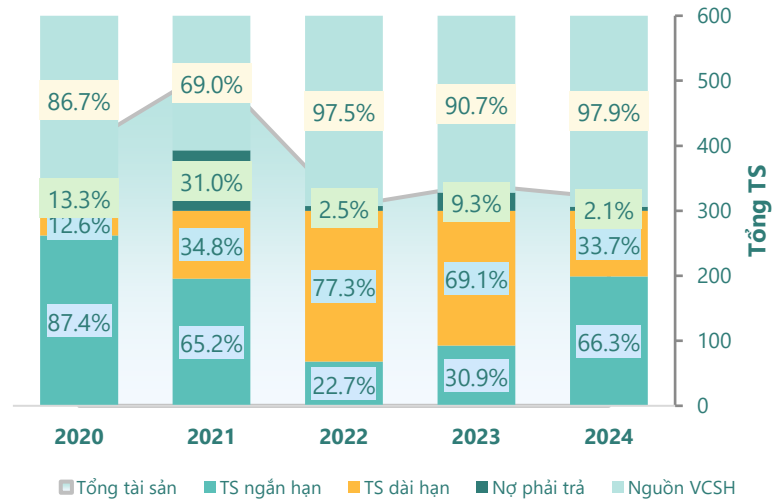
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

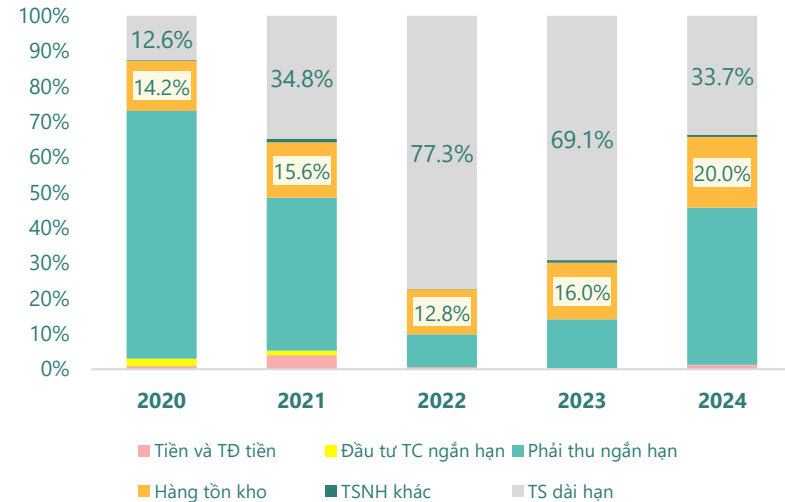
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

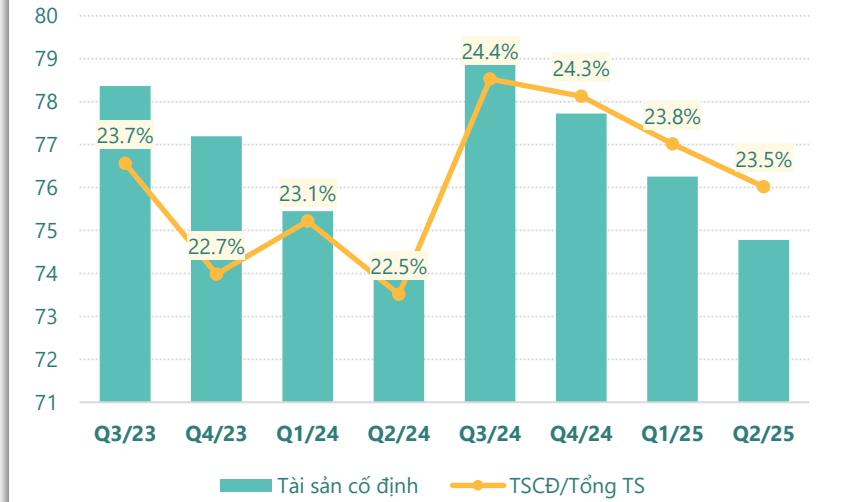
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

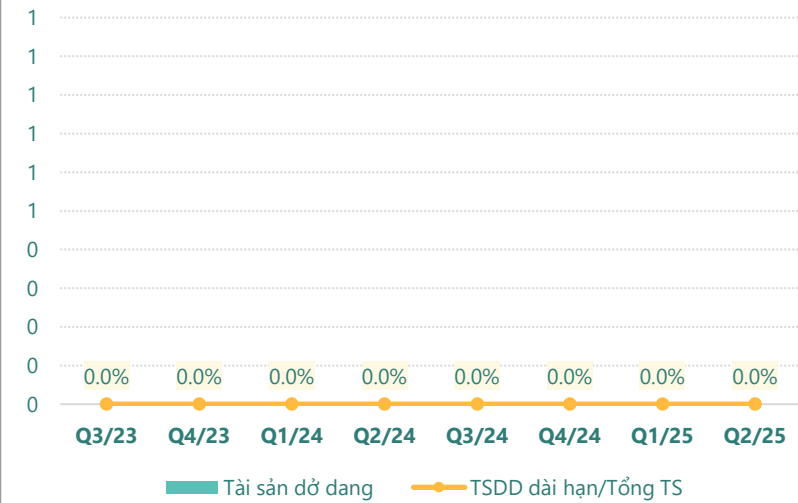
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

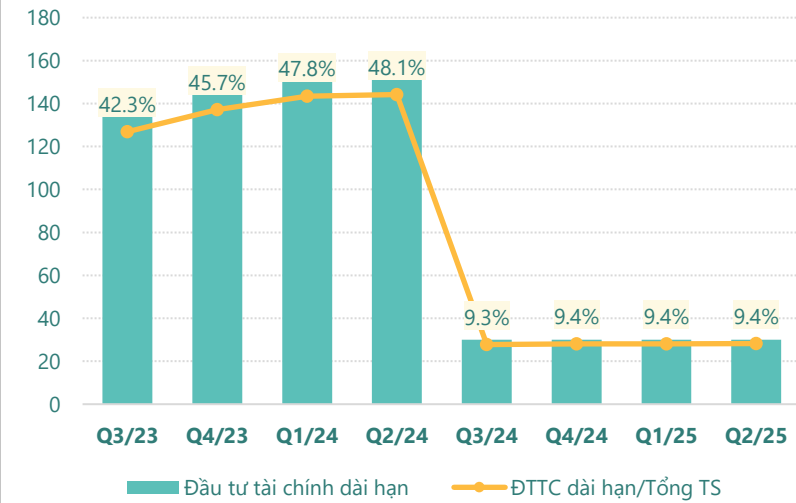
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

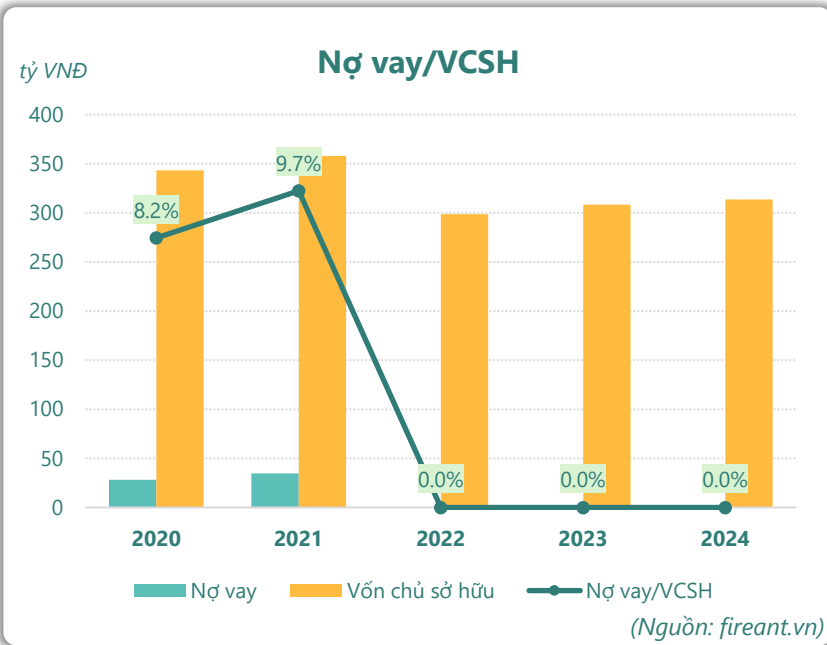
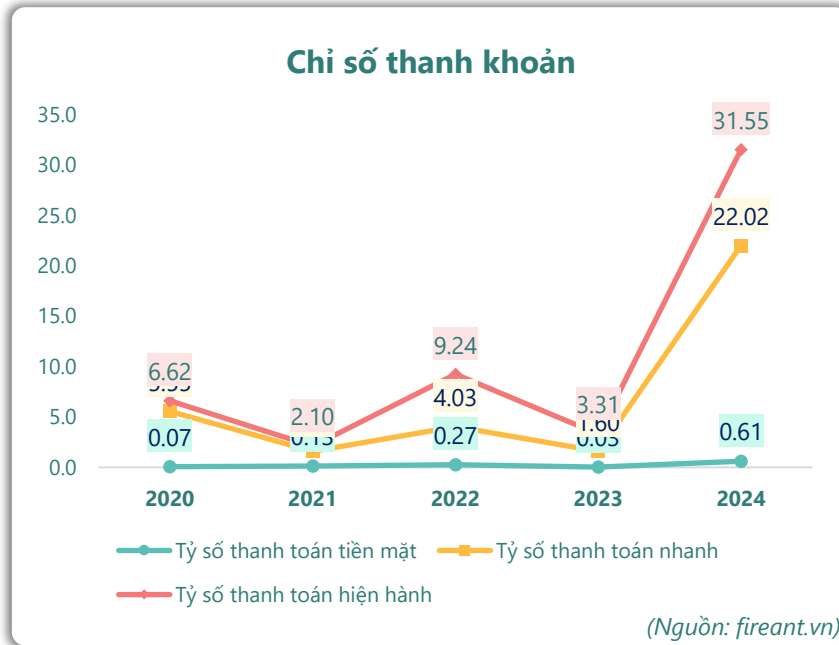
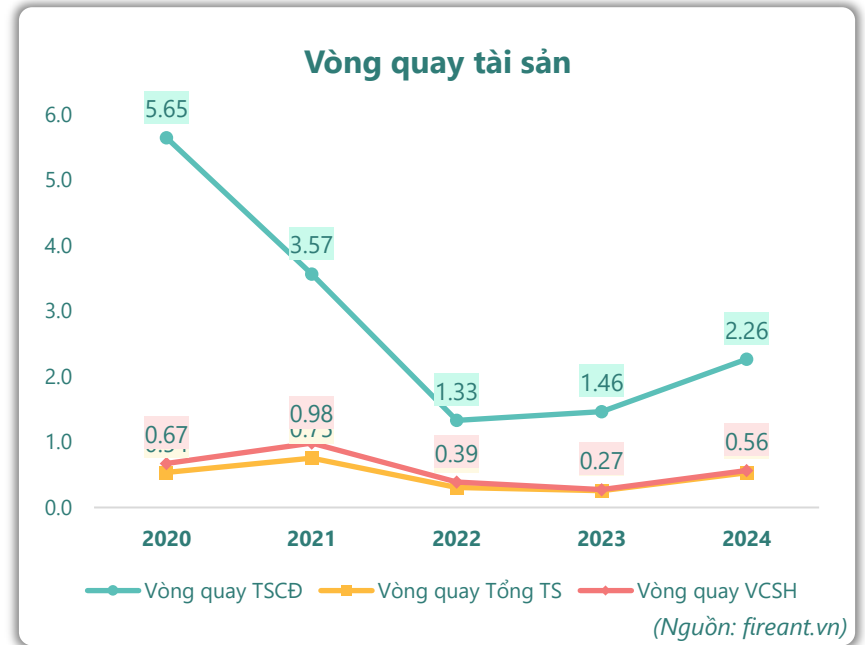
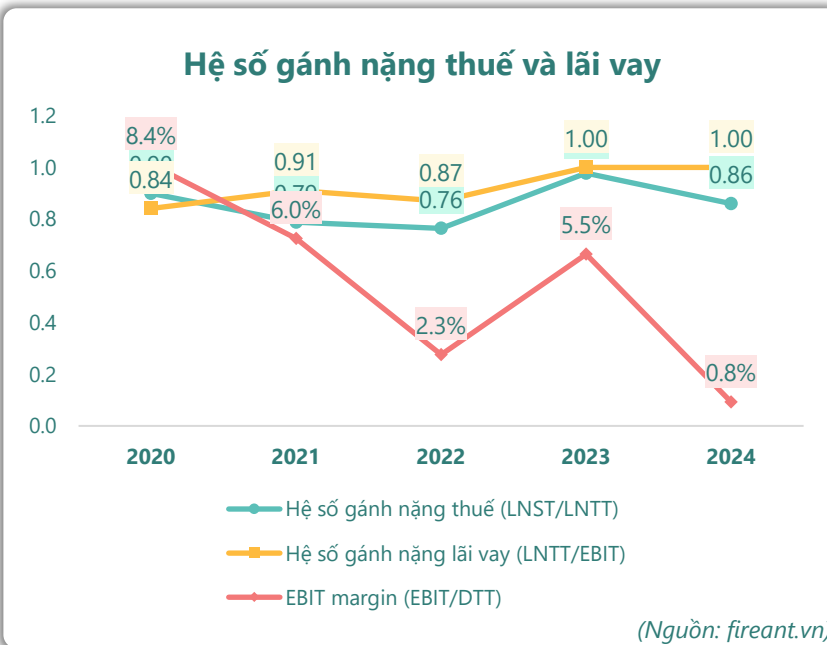
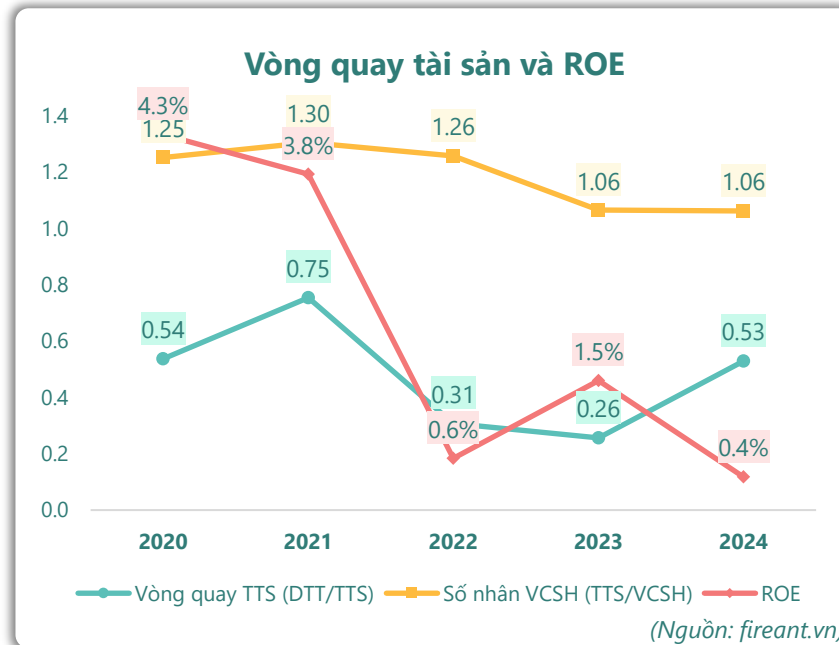
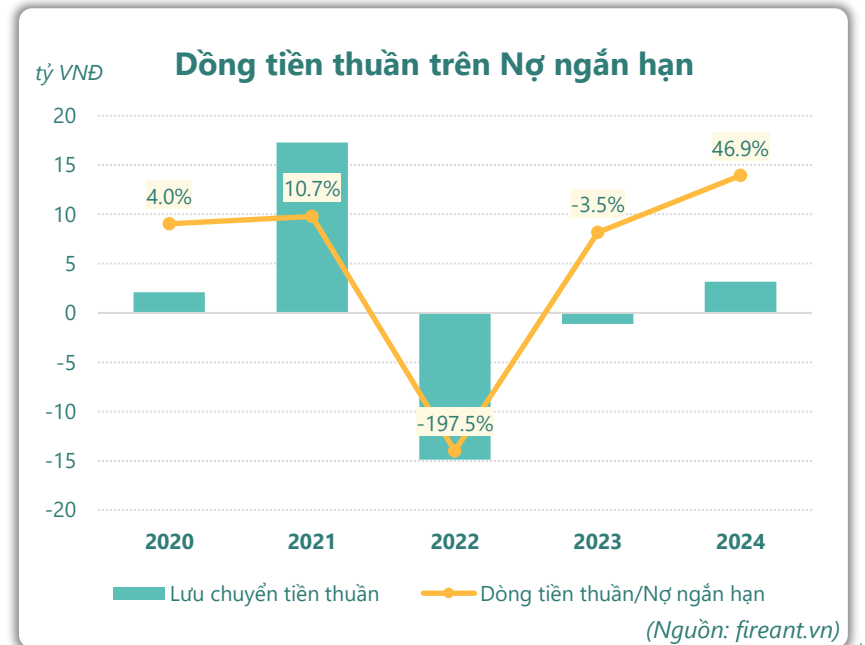
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	54.7	31.5	73.8%	103	46.8	120%
Giá vốn hàng bán	53.2	31.7	67.8%	101	45.9	120%
Lợi nhuận gộp	1.56	-0.25	725%	1.84	0.95	93.3%
Doanh thu HĐTC	0.08	0.12	-37.5%	0.15	0.12	27.8%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0.00	0.14	-101%	0.00	0.14	-101%
Chi phí bán hàng	0.84	1.82	-53.8%	1.73	1.91	-9.7%
Chi phí QLDN	1.02	-0.12	947%	1.36	0.81	68.4%
LN thuần từ HĐKD	-0.22	-1.68	86.8%	-1.10	-1.51	27.2%
Lợi nhuận khác	0.00	0.00		-0.01	-0.01	-29.8%
LN trước thuế	-0.23	-1.68	86.5%	-1.11	-1.51	26.9%
Lợi nhuận sau thuế	-0.23	-1.66	86.4%	-1.11	-1.52	27.2%
LNST của CĐ cty mẹ	-0.21	-1.66	87.1%	-1.09	-1.52	28.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.83	0.68	156	-2.56	-4.76	-11.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	-26.3	2.50	4.94	11.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.80	0.80	-130	0	0	0
Tiền đầu kỳ	1.06	2.10	2.98	4.16	4.11	4.29
Lưu chuyển tiền thuần	1.03	1.48	-0.25	-0.06	0.18	-0.04
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.10	2.98	4.16	4.11	4.29	4.25

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	319	320	-0.4%
Tài sản ngắn hạn	214	212	0.8%
Tiền và tương đương tiền	4.25	4.11	3.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	144	142	1.2%
Hàng tồn kho	64.2	64.2	0.1%
Tài sản ngắn hạn khác	1.62	1.90	-14.7%
Tài sản dài hạn	105	108	-2.7%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	74.8	77.7	-3.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	30.0	30.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	6.50	6.73	-3.5%
Nợ ngắn hạn	6.50	6.73	-3.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	3.68	3.97	-7.2%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	312	313	-0.4%
Vốn chủ sở hữu	312	313	-0.4%
Vốn điều lệ	280	280	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

